TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **52**/2021/HSST
Ngày 30-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Bội Khánh và bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2021/TLST-HS, ngày 30/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HS, ngày 26/7/2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN Đ, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/10/1980, tại Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm TT, xã SP, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố GT, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cao C và bà Đặng Thị V; có vợ là Phạm Phương L và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/12/2010, bị Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

** Bị hại:* Ông Đào Văn N, sinh năm 1968, (đã chết).

** Người đại diện hợp pháp cho bị hại Đào Văn N:*

1. Bà Đào Thị P, sinh năm 1939, (Mẹ đẻ bị hại), trú tại: Thôn HN, xã TT, huyện PX, thành phố Hà Nội, (có mặt).

2. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1972, vợ bị hại, (có mặt);

3. Cháu Đào Xuân B, sinh ngày 24/8/2000, con đẻ bị hại, (có mặt);

4. Cháu Đào Sơn N1, sinh ngày 16/8/2003, con đẻ bị hại, (có mặt).

Đều trú tại: Tổ dân phố GK, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

* Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại (bà P, chị T, cháu B, cháu N1) là anh Đào Văn T1, sinh năm 1973, trú tại: Thôn HN, xã TT, huyện PX, thành phố Hà Nội, (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Phạm Phương L, sinh năm 1978, trú tại: Tổ dân phố GT, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

** Người làm chứng:*

1. Cháu Nguyễn Quang A, sinh năm 2009, (có mặt).

2. Cháu Nguyễn Trà G, sinh năm 2012, (có mặt).

Đều trú tại: Tổ dân phố GT, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

3. Cháu Đào Sơn N1, sinh năm 2003, trú tại: Tổ dân phố GK, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

Người giám hộ cho các cháu (A, G, N1) là chị Đặng Thị Đ1, sinh năm 1989, Bí thư Đoàn Thanh niên thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/11/2020, NGUYỄN VĂN Đ có thuê anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố GL, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên đến chặt cây mít của Đ, khi chặt cây mít có đổ vào cây nhãn do ông Đào Văn N, sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố GK, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, là anh rể của Đ trồng trên đất của ông Ch là bố vợ của Đ đã cho vợ chồng Đ. Sau đó Đ tự ý cắt cành bị gẫy của cây nhãn, nhưng không hỏi ý kiến ông N. Đến ngày 21/11/2020, khi biết cây nhãn của mình bị cắt, ông N bực tức đã gọi điện thoại nhiều lần cho Đ và cả hai cãi nhau. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, ông N và cháu Đào Sơn N1, sinh ngày 16/8/2003 là con trai của ông N đi đến nhà Đ nói chuyện về việc Đ đã chặt cây của mình. Khi ông N đến nơi, thì Đ đang ăn cơm trên bộ bàn ghế đá kê ở góc sân, ông N ngồi tại ghế đá đối diện với Đ, hai bên đã xảy ra mâu thuẫn và cãi chửi nhau. Ông N cầm 01 chiếc điếu cày của Đ dài khoảng 80 cm ở vị trí bàn ghế đá và nói "*tao đập mày một nhát chết bây giờ*", Đ nói "*đây này anh đập đi*" và nghiêng đầu về phía ông N để thách thức, ông N cầm chiếc điếu cày bằng cây nứa dùng tay phải vụt 01 nhát vào vùng đầu sau gáy và mi mắt của Đ, làm Đ bị chảy máu tại mi mắt, Đ đứng dậy và hỏi ông N "*anh làm cái gì đấy*", ông N dùng điếu cày đập tiếp 01 nhát thứ hai vào sườn bên trái của Đ, làm điếu cày bị vỡ thành nhiều mảnh. Bị ông N đánh, Đ bực tức, do trên mâm có chiếc kéo cắt thức ăn, Đ đã cầm chiếc kéo bằng kim loại đã cũ, dài 20cm, lưỡi kéo dài 11cm, tay cầm màu xanh dài 09cm, du, đẩy ông N, Đ đứng cách ông N khoảng 50cm dơ kéo lên cao đâm một nhát theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào vùng bả vai trái của ông N. Sau đó, Đ rút kéo ra tiếp tục vung kéo lên cao đâm 01 nhát thứ hai theo hướng từ trên xuống dưới vào vùng trán của

ông N. Thấy vậy, chị L và cháu N1 đến can ngăn và đưa ông N đi cấp cứu tại Trạm Y tế thị trấn GT, huyện PL và Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên. Đến 09 giờ 30 phút ngày 22/11/2020, ông N đã bị tử vong tại Bệnh viện. Khi biết tin ông N chết, đến ngày 23/11/2020, Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đầu thú.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 22/11/2020 xác định: Khu vực nhà ông Phạm Viết Ch có kích thước (6,5x14,1)m tương đối bằng phẳng. Tại góc sân phía Đ Nam, cách mép sân phía Nam 2,2m, cách mép sân phía Đ 3,2m là vị trí kê 01 bàn tròn và 03 ghế dài xung quanh (vị trí số 1). Bàn tròn có mặt bàn đường kính 1,05m, cao 0,7m; 03 chiếc ghế dài xung quanh có cùng kích thước (120x51x78)cm kê tại phía Bắc, phía Đông, phía Nam bàn tròn.

Ngay sát bàn tròn về phía Tây, trên nền sân là vị trí 01 thùng nhựa, dạng thùng sơn cao 36cm, đường kính 30cm, vỏ thùng có chữ MAX PAINT, sơn lót kháng kiềm nội thất (vị trí số 2).

Tại khu vực sân, tiến hành khám nghiệm hiện trường phát hiện 04 dấu vết vật chất màu nâu đỏ đã khô dạng nhỏ giọt tại các vị trí sau: Vị trí số (3): Ngay sát chân ghế kê phía Bắc bàn tròn, cách vị trí số 2 về phía Bắc 66 cm, dấu vết có kích thước (1x 1,1)cm; vị trí số (4): Cách vị trí số (2) về phía Đông 3,66m, cách mép sân phía Nam 2,1m, dấu vết có kích thước (0,8x0,9)cm; vị trí số (5): Cách vị trí số (7) thể hiện trong Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường về phía Bắc 1,83m, dấu vết có kích thước (0,7x0,9)cm; vị trí số (6): Cách mép sân phía Bắc 1,6m, cách vị trí số (5) về phía Tây Bắc 2,7m, dấu vết có kích thước (1x0,7)cm;

Dấu vết, tài liệu và mẫu vật thu được: Thu dấu vết vật chất màu nâu đỏ tại vị trí số 3,4,5,6; thu 01 chiếc kéo, mảnh vỡ của điếu cày, bộ quần áo do chị L giao nộp.

Tại Biên bản khám nghiệm tử thi Đào Văn N lập hồi 16 giờ 10 phút ngày 22/11/2020, xác định: Tại vùng trán bên trái cách trên đầu trong cung lông mày trái 6cm có vết rách da cơ dài 2,3cm được khâu kín bằng hai mũi chỉ. Cắt bỏ chỉ khâu thấy bờ mép vết rách gọn, sâu đến xương trán (vết số 1); vùng ngực bên trái trên đường nách giữa cách ngang ngoài núm vú trái 8cm, cách dưới hõm nách 10cm có vết mổ dẫn lưu được khâu kín bằng hai mũi chỉ; vùng bả vai trái, nách trái và mặt sau cánh tay trái bầm tím kích thước (21x 8)cm (vết số 2); vùng bả vai trái cách dưới đỉnh vai trái 10,5cm vết rách da cơ dài 4cm được khâu kín bằng 03 mũi chỉ cắt bỏ chỉ khâu thấy bờ mép vết rách gọn sâu thấu vào trong khoang ngực trái, chiều hướng từ sau ra trước, trên xuống dưới, trái qua phải (vết số 3); cách trên (vết số 3) 1,5cm có vết rách KT (0,4x0,2)cm (vết số 4); tràn khí dưới da vùng cổ và ngực bên trái.

- Mổ tử thi:

Tổ chức dưới da và cơ của (vết số 1) bị bầm tụ máu, xương trán không bị rạn vỡ; tụ máu cơ vùng ngực bên phải và trái; gãy cung trước xương sườn số 2,3,4,5, 6,7,8 bên trái và 2,3,4,5 bên phải; trong khoang ngực bên trái có nhiều máu không đông lẫn máu cục; thủng khoang liên sườn sau số 3,4 hai vết có KT (0,2x0,5)cm và

(0,7x0,2)cm. Đứt một phần cung sau của xương sườn số 4; mặt sau thùy dưới phổi trái có vết rách dài 1,5cm; dạ dày có dịch màu nâu đỏ, (các mẫu thu để giám định, thu mẫu máu tử thi).

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 09/KL-KTHS, ngày 21/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định; tràn khí dưới da vùng cổ và ngực bên trái; vùng bả vai trái cách dưới đỉnh vai trái 10,5cm có vết rách da cơ dài 04cm; vỡ xương bả vai trái; trong khoang ngực có nhiều máu không đông lẫn máu cục; thủng khoang liên sườn sau số 4,5 hai vết có kích thước 0,5cm x 0,2cm và 0,7cm x 0,2cm. Đứt một phần cung sau của xương sườn số 5; mặt sau thùy dưới phổi trái có vết rách dài 1,5cm.

Nguyên nhân chết: Đào Văn N bị đâm vào vùng bả vai trái, gây vỡ xương bả vai trái, xuyên thấu vào khoang ngực trái, rách mặt sau thùy dưới phổi trái, chảy tụ máu trong khoang ngực, tràn dịch, tràn khí khoang màng phổi suy hô hấp không hồi phục dẫn đến chết.

Tại Kết luận giám định số 8541/C09-TT3, của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Trên các mẫu vật gửi giám định ký hiệu (HT10) và áo N có dính máu của tử thi Đào Văn N.

Trên mẫu ký hiệu (HT4) có dính máu người, không phân tích được kiểu gen từ dấu vết máu người này do lượng dấu vết ít và kém chất lượng.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 745/TgT, ngày 29/12/2020 của Trung tâm Pháp y, Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên, kết luận đối với Nguyễn Văn Đ như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: Hiện tại có 01 sẹo vết thương phần mềm vùng mặt KT nhỏ, và 01 sẹo vết thương phần mềm KT nhỏ, tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên hiện tại là: 04% (bốn phần trăm). Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư số 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, cơ chế hình thành vết thương do tác động của vật tày.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKS(P2), ngày 28/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo NGUYỄN VĂN Đ về tội "Giết người" theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo NGUYỄN VĂN Đ phạm tội "Giết người".

* Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586 và Điều 591 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường tiền chi phí mai táng cho bị hại Đào Văn N; tiền tổn thất về tinh thần; tiền chi phí cứu chữa bị hại; tiền cấp

dưỡng nuôi mẹ đẻ của bị hại cho đến khi chết và con của bị hại cho đến khi đủ 18 tuổi, cụ thể:

- Tiền chi phí mai táng: 87.570.000 đồng;

- Tiền chi phí cứu chữa khi cấp cứu: 17.000.000 đồng;

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần tương đương 100 tháng lương cơ sở = 149.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản bồi thường là 253.570.000 đồng.

- Tiền cấp dưỡng nuôi mẹ đẻ (bà P) và con đẻ (cháu N1) của bị hại, với mức mỗi người 1.000.000 đồng/tháng/người, tính từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi bà P chết, cháu N1 đủ 18 tuổi.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp cho bị hại Đào Văn N là anh Đào Văn T1, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật; về bồi thường buộc bị cáo phải bồi thường các khoản tiền chi phí như sau:

- Tiền mai táng phí: 87.570.000 đồng;

- Tiền cấp dưỡng nuôi bà P 160.000.000 đồng, cháu N1 50.000.000 đồng;

- Tiền chi phí khác gồm (viện phí, mua thuốc, thuê xe ô tô đưa bị hại đi viện) 17.000.000 đồng;

- Tiền tổn thất về tinh thần 290.000.000 đồng.

Tổng cộng 604.570.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và đại diện hợp cho bị hại không thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường dân sự. Do vậy, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường các khoản chi phí hợp pháp cho đại diện bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Kết luận giám định, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ có sở kết luận: Do mâu thuẫn giữa bị cáo với bị hại, khoảng 14 giờ ngày 21/11/2020, bị hại Đào Văn N đã có hành vi dùng 01 chiếc điếu cày bằng nứa dài khoảng 80cm vụt 01 nhát vào vùng đầu mặt trái và 01 nhát vào mạn sườn trái của bị cáo NGUYỄN VĂN Đ, gây thương tích với tỷ lệ 04%. Sau đó bị cáo Đ đã có hành vi dùng 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 20cm, lưỡi kéo dài 11cm đâm 01 nhát vào vùng bả vai trái và 01 nhát vào vùng trán của bị hại N, dẫn đến bị hại bị thương đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên, đến ngày 22/11/2020 bị hại N chết.

Với hành vi trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội "Giết người" theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, điều luật có nội dung như sau:

Điều 123. Tội giết người.

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

[3] Xét hành vi phạm tội giết người của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của con người, quyền được sống và được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Xét thấy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, bị hại là người có lỗi đã có hành vi dùng chiếc điếu cày gây thương tích cho bị cáo, với tỷ lệ thương tật là 04%, sau đó bị cáo đã có hành vi tước đoạt tính mạng của bị hại. Xét nhân thân của bị cáo là người có nhân thân xấu, có 01 tiền sự đã được xóa, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải, bị hại đã có lỗi gây thương tích cho bị cáo trước, dẫn đến bị cáo mới có hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một khoản tiền cho đại diện bị hại. Do vậy, bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, e, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đó là: *"Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại"; "Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi*

trái pháp luật của nạn nhân gây ra" và *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"*. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong vụ án này, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đã tước đi mạng sống của bị hại. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nhưng xét thấy bị hại là người có lỗi, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, vừa thể hiện tính nhân văn của pháp luật, nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh thượng tôn pháp luật trong công tác phòng chống tội phạm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản tiền như sau:

- Tiền mai táng phí: 87.570.000 đồng;

- Tiền cấp dưỡng nuôi bà P mẹ đẻ bị hại với số tiền 160.000.000 đồng, tiền nuôi cháu Nam con đẻ bị hại với số tiền 50.000.000 đồng;

- Tiền chi phí khác gồm (viện phí, mua thuốc, thuê xe ô tô đưa bị hại đi viện) 17.000.000 đồng;

- Tiền tổn thất về tinh thần với số tiền 290.000.000 đồng.

Tổng cộng 604.570.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người đại diện cho bị hại, với lý do các khoản yêu cầu bồi thường quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, các khoản tiền do đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường là cao, không đúng với thực tế và quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường các khoản tiền chi phí như sau:

- Tiền mai táng phí: 87.570.000 đồng;

- Tiền thu viện phí, mua thuốc, khám chữa bệnh và thuê xe ô tô đưa bị hại đi và về với số tiền 17.000.000 đồng;

-Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại, tương đương 100 tháng lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng x 100 tháng = 149.000.000 đồng.

Tổng cộng **253.570.000** đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại là người có lỗi đã dùng chiếc điếu cày gây thương tích cho bị cáo trước với tỷ lệ thương tích là 04%. Do vậy, bị hại phải chịu trách nhiệm tương ứng với 25% do lỗi của bị hại so với số tiền bồi thường dân sự, như vậy sẽ là 25% x 253.570.000 đồng = 63.392.500 đồng. Bị cáo phải bồi thường 253.570.000 đồng - 63.392.500 đồng = 190.177.500 đồng. Trước khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã bồi thường cho đại diện bị hại số tiền

20.000.000 đồng, số tiền còn lại 170.177.500 đồng cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp.

- Tiền cấp dưỡng nuôi bà P mẹ đẻ bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm bà P khai, bà có 04 người con gái đang còn sống, khỏe mạnh bình thường, anh N thì đã chết. Do vậy, các con của bà P đều có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mẹ đẻ. Xét thấy, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm cấp dưỡng một phần nuôi bà P với số tiền 750.000 đồng/tháng cho đến khi bà P chết hoặc có sự kiện khác.

- Tiền cấp dưỡng nuôi 01 con nhỏ của anh N là cháu Đào Sơn N1, sinh ngày 16/8/2003, với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi.

[6] Vật chứng vụ án:

- Đối với các dấu vết thu giữ tại hiện trường, có ký hiệu từ HT3, HT5, HT6, HT11, HT12, HT12A, HT12B;

- Đối với 01 gậy bằng kim loại trong phong bì niêm phong ký hiệu "Gậy";

- Đối với 01 quần cộc màu vàng được niêm phong ký hiệu "Quần N";

- Đối với 01 hộp niêm phong ký hiệu "8541/C09-TT3".

Tất cả số vật chứng nêu trên của vụ án không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Đối với hành vi của bị hại Đào Văn N gây thương tích cho bị cáo, với tỷ lệ thương tật 04%, do bị hại N đã chết, Cơ quan điều tra không xem xét giải quyết, xét thấy là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo NGUYỄN VĂN Đ phạm tội "Giết người".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 123; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NGUYỄN VĂN Đ **08** (tám) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/12/2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi năm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586 và Điều 591 Bộ luật Dân sự:

* Buộc bị cáo NGUYỄN VĂN Đ phải bồi thường cho gia đình bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại nhận là anh Đào Văn T1 các khoản tiền như sau:

- Tiền chi phí mai táng cho bị hại với số tiền 87.570.000 đồng;

- Tiền tổn thất về tinh thần 149.000.000 đồng;

- Tiền viện phí và chi phí khác 17.000.000 đồng.

Tổng cộng 253.570.000 đồng - 63.392.500 đồng (lỗi của bị hại tương đương 25%), gia đình bị cáo đã bồi thường 20.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho đại diện bị hại với số tiền **170.177.500** đồng (một trăm bảy mươi triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

* Buộc bị cáo phải cấp dưỡng nuôi (Mẹ đẻ và con đẻ) của bị hại như sau:

1. Bà Đào Thị P, sinh năm 1939, mỗi tháng 750.000 đồng, kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi bà P chết hoặc có sự kiện khác.

2. Cháu Đào Sơn N1, sinh ngày 16/8/2003, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi hoặc có sự kiện khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy gồm:

1. 01 dấu vết vật chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 3 ở hiện trường được niêm phong vào phong bì, ký hiệu HT3;

2. 01 dấu vết vật chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 5 ở hiện trường được niêm phong vào phong bì, ký hiệu HT5;

3. 01 dấu vết vật chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 6 ở hiện trường được niêm phong vào phong bì, ký hiệu HT6;

4. Các mảnh vỡ của điếu cày bằng nứa thu giữ tại hiện trường niêm phong trong hộp niêm phong, ký hiệu HT11;

5. 01 chiếc áo thu giữ tại hiện trường niêm phong trong túi niêm phong, ký hiệu HT12A;

6. 01 chiếc quần thu giữ tại hiện trường niêm phong trong túi niêm phong, ký hiệu HT12B;

7. 01 gậy bằng kim loại có chiều dài 0,88m, đường kính 0,015m và 01 gậy bằng gỗ có chiều dài 1,04m, chu vi 0,13m. Các gậy trên được niêm phong vào phong bì ký hiệu "GẬY".

8. 01 quần cộc màu vàng (dạng quần soóc), trên quần có bám dính nhiều vật chất màu nâu đỏ nghi là máu, trên quần gắn mác in chữ "Beat rolletion" được niêm phong ký hiệu "QUẦN N".

9. 01 hộp niêm phong ký hiệu "8541/C09-TT3", bên trong có 01 chiếc kéo bằng kim loại, chuôi kéo bọc nhựa màu xanh; 01 mảnh xi măng (dạng bê tông) cùng một số

vụn cát có bám dính vật chất màu nâu đỏ thu giữ tại vị trí số 4 trên sơ đồ hiện trường và 01 chiếc áo Phông cộc tay.

Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên ngày 30/6/2021.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo NGUYỄN VĂN Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng và 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng) tính tròn số, án phí dân sự có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vương Hồng Giang